

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HSST

Ngày 15/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý A Hoi**

Bà **Cao Thị Hồng Minh**

Thư ký Tòa án: Bà **Thào Thị Thu Nhàn** - Thư ký Tòa án nhân dân Th phố Đ, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Đ tham gia phiên toà: Ông **Lưu Ngọc Th** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **58/2017/HSST** ngày 11 tháng 7 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55 ngày 20 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 03/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phùng Q Th** Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 04/11/1993 tại Vĩnh Phúc

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ trà 01, phường H, Th phố V, tỉnh P;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông;

Nghề nghiệp: Không; Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Phùng Quyết Ch và con bà: Phùng Thị L . Hiện trú tại: Tổ trà 01, phường H, Th phố V, tỉnh P.

Bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị khởi tố, bắt tạm giam từ ngày 23/02/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê A Q**

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 01/4/1983 tại Đ

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, phường H, Th phố Đ, tỉnh Đ.
Chỗ ở: Tổ dân phố 7, phường N, Th phố Đ, tỉnh Đ.
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: kinh Tôn giáo: Không.
Trình độ văn hoá: 12/12 phổ thông.
Nghề nghiệp: Lái xe
Tiền án: 01 về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Tiền sự: Không;
Con ông: Lê Văn H và con bà: Lê Thảo L - hiện đều trú tại: phường H, Th phố Đ, tỉnh Đ.

Bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.
Vợ: Bùi Thị Th – Sinh năm 1985
Hiện trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, Th phố Đ, tỉnh Đ.
Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015, hiện ở cùng với mẹ.
Bị cáo Lê A Q bị bắt tạm giam từ ngày 24/02/2017 đến ngày 11/7/2017 bị cáo được toại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phùng V A** Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 25/11/1993 tại Vĩnh Phúc;
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh P;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông; Nghề nghiệp: Không;
Tiền án: 01 tiền án về tội Giết người.
Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác.
Con ông: Phùng Văn Tr và con bà: Nguyễn Thị O
Hiện đều trú tại: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh P.
Bị cáo có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.
Vợ: Nguyễn Thị H – sinh năm 1995. Hiện trú tại: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh P.

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015, hiện ở cùng với mẹ.
Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Tr Th** Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 04/7/1993 tại Vĩnh Phúc
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ văn hoá: 11/12 phổ thông; Nghề nghiệp: Không;
Tiền án: 01 tiền án về tội Giết người; Tiền sự: Không;
Con ông: Nguyễn Đức Th và con bà: Đào Thanh N. Hiện đều trú tại: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P.

Bị cáo có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Vợ: Lương Thị H – sinh năm 1997. Hiện trú tại: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P.

Bị cáo chưa có con.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Anh **Đoàn Đ D** – sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số nhà 133, Tổ 23, phường H, Th phố Đ (có mặt);

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Th Ch** - sinh năm: 1986, địa chỉ: Tiểu khu 02, xã T, huyện C, tỉnh S(vắng mặt);

“NỘI DUNG VỤ ÁN”:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau”:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng cuối năm 2015 anh Đoàn Đ D có vay của Lê A Q số tiền 50 triệu đồng, không thỏa thuận gì về lãi xuất. Sau đó Q có nhiều lần đòi tiền nhưng anh D không trả. Đến ngày 08/02/2017 Q gọi điện cho Phùng Q Th, nói về việc D nợ tiền và bảo lên Đ đòi cho Q với tiền công, nếu đòi được 50 triệu đồng Q trả cho Th 10 triệu đồng, Th đồng ý.

Đến ngày 13/02/2017 Th gặp Phùng V A và Nguyễn Tr Th, ở Th phố V, tỉnh P rồi rủ hai người lên Đ đòi nợ thuê cho Q, cả hai đồng ý. Đến khoảng 21 giờ ngày 14/02/2017 cả ba người thuê xe ô tô biển kiểm soát 43A – 184.02 đi đến huyện V, tỉnh P đón Hải và Toàn cùng đi lên Th phố Đ. Đến khoảng 10 giờ ngày 15/02/2017 cả năm người đến Th phố Đ, gặp Q và được Q dẫn đến nghỉ tại phòng 403C - Khách sạn Công đoàn, thuộc tổ dân phố 4, phường T, Th phố Đ, tại đây Q đã nói cho mọi người biết về việc anh D nợ tiền và nhờ đòi lại cho Q. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Q cho Th số điện thoại của vợ anh D để gọi điện rủ anh D ra khách sạn Công đoàn, sau đó Th gọi điện cho vợ anh D xin gặp anh D để nói chuyện (do trước kia Th có quen biết anh D) và rủ anh D ra Khách sạn Công đoàn chơi. Khoảng 10 phút sau anh D điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 27A – 013.26 đến gặp Th, Th nói dối người yêu đang chờ ở siêu thị sách Đ và nhờ anh D chở ra. Khi đi đến khu vực siêu thị sách, Th bảo anh D chở về khách sạn Công đoàn, rồi rủ anh D lên phòng 403C người yêu Th đang ở đó. Khi anh D vào phòng thấy V A, H, T đang sử dụng ma túy đá trên giường, Th và anh D vào sử dụng cùng. Khi anh D đang sử dụng ma túy, Th nhắn tin cho Q biết anh D đang trong phòng. Khoảng 05 phút sau Q vào phòng và nói “D cũng ở đây à?”, anh D ngoảnh mặt ra nhìn, thì V A dùng tay phải tát một phát vào má anh D, mục

đích để anh D sợ phải trả tiền vay cho Q, Hải và Toàn cũng lao vào dùng tay tát vào mặt anh D, Th vào can và bảo thôi không đánh nữa để D và Q nói chuyện với nhau. Q nói “thế mày có định trả tiền tao không, hay mày định cãi trắng à?”, Th hỏi anh D “thế mày có vay tiền của Q không?”, anh D trả lời có vay của Q 50 triệu đồng, nhưng phải trừ 15 triệu đồng tiền anh D chạy xe dự án cho Q. Hải và Toàn tiếp tục tát vào mặt anh D, Th cầm chiếc lược nhựa đập vào gáy anh D và nói “nợ nần Q như thế nào thì trả cho Q đi”, Hải rút dao gấp ra dí vào cổ anh D nói “mày thích chết không”, Th vào can không cho đánh anh D nữa và nói “anh biết 50 triệu thì 01 năm để ra bao nhiêu cái 50 triệu không”, VAnói tính cho nó 10 nghìn/1 triệu/1 ngày. Anh D nói “anh ơi ở đây vay cầm đồ nhiều lắm thì cũng chỉ 5 nghìn/1 triệu/1 ngày thôi”. Q đồng ý, Th lấy điện thoại ra tính số tiền lãi anh D phải trả cho Q là 90 triệu đồng, cộng với tiền gốc 50 triệu đồng là 140 triệu đồng và trừ đi 15 triệu cho anh D và anh D phải trả cho Q 125 triệu đồng. Q nói phải trả trước 50 triệu đồng và bảo anh D về nhà lấy tiền, anh D bảo ở nhà không có tiền, Th nói: “mày đi ô tô cơ mà”, anh D nói ô tô mua trả góp, giấy tờ mang tên bố, giấy tờ gốc đang cầm cố tại ngân hàng để mua xe trả góp, chỉ có đăng ký phô tô công chứng không cầm và bán được. Toàn liền tát vào mặt anh D hai cái, VAnói “mày ở đây chạy xe lâu rồi, ai trả biết mày có xe, kiểu gì chả cầm được năm bảy chục triệu”. Sau đó Th, Q, Văn Anh, Th, Hải, Toàn và anh D cùng nhau sử dụng ma túy đá ở phòng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày tất cả đưa anh D đến ba quán tại địa bàn Th phố Đ để cầm xe ô tô của anh D, nhưng không cầm được, liền quay lại khách sạn Công đoàn. Do ở khách sạn có đông người, nên tất cả đưa anh D đến phòng 108 và 109 khách sạn ASIAN, thuộc tổ dân phố 16, phường T, Th phố Đ, sau đó Th, Q, Văn Anh, Th, Hải, Toàn và anh D cùng nhau sử dụng ma túy đá ở phòng 109. Đến khoảng 06 giờ ngày 16/02/2017 Th, Q, Văn Anh, Th đi ra ngoài ăn sáng, Hải và Toàn ở lại đã lấy giấy buộc rèm trói tay anh D lại. Khoảng 30 phút sau, Th, Q, V A, Th quay về phòng thấy anh D bị trói, Th và Q đã cởi trói cho anh D. Sau đó Q bảo anh D viết giấy vay nợ Q với số tiền 125 triệu đồng, anh D viết được một đoạn, thì Th cầm lên đọc rồi xé đi và đọc cho anh D viết về việc anh D vay Q 125 triệu đồng (anh D và Q cùng ký vào giấy vay nợ), rồi Q giữ lại giấy. Sau đó tất cả cùng sử dụng ma túy đá. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày Th bảo anh D gọi điện nhờ người cầm xe, nhưng không cầm được. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày Q điều khiển xe ô tô của anh D chở anh D, Th, V A và Th điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 43A – 184.02 chở Hải, Toàn về S để cầm xe của anh D. Khi đi đến huyện C, tỉnh Sơn La, Th gọi điện cho Nguyễn Th Ch, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Sơn La nhờ cầm xe của anh D, Chung đưa mọi người đến một quán cầm đồ ở huyện C nhưng không cầm được. Đến khoảng 16 giờ cùng

ngày Chung điều khiển xe ô tô của anh D chở Th, VAvà anh D về Th phố Sđể
cắm xe nhưng không cắm được. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày Chung đưa tất cả
mọi người đến nhà nghỉ ở huyện C. Tại nhà nghỉ Q nhờ Ch đứng ra để cho anh D
viết giấy vay tiền Ch và anh D để lại xe ô tô cho Ch lấy 90 triệu đồng. Sau khi
anh D viết xong, Ch đọc thấy không đúng (vì Ch không cho anh D vay tiền), nên
đã xé đi. Thấy vậy Th bảo Q đưa anh D quay lên Th phố Đ để yêu cầu gia đình
anh D trả tiền cho Q, Th rủ Ch lên Đ chơi, trong lúc chờ Ch về nhà lấy quần áo,
Th vào cửa hàng bán đồ sắt mua 04 con giao quắm để lên xe tô. Th điều khiển xe
ô tô biển kiểm soát 43A – 184.02 chở V A, H, T đi trước, Q điều khiển xe ô tô
của anh D chở Th, anh D, Ch đi sau. Khi đi được một đoạn thì xe ô tô của Q bị
Công an huyện C, tỉnh S yêu cầu dừng xe kiểm tra. Cơ quan Công an đã thu giữ
trong xe 04 con dao quắm và thu giữ trong người Th một bình xịt hơi cay, nên đã
yêu cầu về trụ sở cơ quan Công an làm việc. Khi không thấy xe của Q đi sau,
VAdã gọi điện cho Th và được biết xe của Q bị Công an huyện C, tỉnh Syêu cầu
về trụ sở làm việc, Th quay xe lại cùng VAvào trụ sở cơ quan Công an, còn Hải
và Toàn đã xuống xe bỏ trốn. Ngày 21/02/2017 Cơ quan Công an huyện C, tỉnh
Sđã bàn giao hồ sơ, vật chứng cùng các bị cáo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra
Công an thành phố Đ, tỉnh Đ để điều tra theo thẩm quyền.

Do các bị cáo không biết họ, tên đệm và địa chỉ của Hải và Toàn, nên cơ
quan điều tra chưa làm rõ được hành vi cưỡng đoạt tài sản và hành vi bắt giữ
người trái pháp luật của Hải và Toàn, nên tách ra để điều tra, xử lý sau.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận:

Anh Đoàn Đ Dcó vay số tiền 50 triệu đồng của Lê A Q vào khoảng cuối
năm 2015 nhưng không thỏa thuận gì về lãi suất. Sau đó Q đã nhiều lần đòi tiền
nhưng D không trả. Đến ngày 08/02/2017 Q gọi điện cho Phùng Q Th, nói về
việc D nợ tiền và bảo lên Đ đòi cho Q với tiền công, nếu đòi được 50 triệu đồng
Q trả cho Th 10 triệu đồng, Th đồng ý. Trong ngày 15 và 16/02/2017 tại địa bàn
Th phố Đ, tỉnh Đ và tỉnh Sơn La, các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A,
Nguyễn Tr Th có hành vi dùng vũ lực và các thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần anh
Đoàn Đức D, yêu cầu D viết giấy nợ Q số tiền 125.000.000 đồng và đưa D đi
cắm xe ô tô để nhằm chiếm đoạt số tiền 125.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, người bị hại khai nhận như sau: Do anh Đoàn Đ Dcó nợ
của Lê A Q số tiền là 50.000.000 đồng nhưng chưa trả được cho Q nên đến ngày 15
và ngày 16/02/2017 Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th đã có hành vi
dùng vũ lực uy hiếp tinh thần anh D và yêu cầu D phải viết giấy nhận nợ của Lê
A Q số tiền 125.000.000 đồng với mục đích nhằm chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Đ, tỉnh Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th đủ yếu tố cấu Th tội “***Cưỡng đoạt tài sản***” theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 32/QĐ-VKS-HS ngày 10 tháng 7 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân Th phố Đ, tỉnh Đ đã truy tố các bị cáo cụ thể như sau:

Truy tố: Các bị cáo Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th về tội: “***Cưỡng đoạt tài sản***” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự; bị cáo Phùng Q Th về tội: “***Cưỡng đoạt tài sản***” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Q Th **từ 4 năm 06 tháng đến 5 năm tù giam;**

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê A Q **từ 4 năm 06 tháng đến 5 năm tù giam;**

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng V A **từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù giam;**

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tr Th **từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù giam;**

- *Về xử lý vật chứng* : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 dao gập bằng kim loại, 01 đoạn giây buộc rèm, 04 con dao quắm và 01 bình xịt hơi cay.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của người bị hại Đoàn Đ D đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức án thấp nhất vì các bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho anh D và trong vụ việc này người bị hại cũng có một phần lỗi.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th nhận thức được việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận đã thành khẩn khai báo và mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương.

“NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ”:

“Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau”:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong ngày 15 và 16/02/2017 tại địa bàn thành phố Đ, tỉnh Đ và tỉnh Sơn La, Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th có hành vi dùng vũ lực và các thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần anh Đoàn Đ D cụ thể: Đánh, trói hai tay, dí dao vào cổ nhằm chiếm đoạt số tiền 125.000.000 đồng.

Với hành vi trên, với số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt thì các bị cáo đã phạm vào khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các bản cung, tài liệu có trong hồ sơ cũng như cáo trạng đã truy tố.

Điều 135 Bộ luật hình sự quy định:

- 1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*
- 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:*
 - c) Tái phạm nguy hiểm;*
 - d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;*

Các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th về tội: “**Cưỡng đoạt tài sản**” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự; bị cáo Phùng Q Th về tội: “**Cưỡng đoạt tài sản**” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự. như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn Th phố Đ, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

Trong khi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng người nên vụ án không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hiện tích cực.

Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo có hành vi nhằm chiếm đoạt của D số tiền là 125.000.000 đồng; nên các bị cáo phạm vào điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th đã bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng, nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo điểm c khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự. Nên các bị cáo Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th bị xét xử về tội Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phùng Q Th xét xử về tội Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự;

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo thì thấy rằng: Do các bị cáo không có ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, để có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân các bị cáo đã lao vào con đường phạm tội.

Đối với bị cáo Phùng Q Th: Ngày 24/12/2010 Th bị Tòa án phúc thẩm tỉnh P xử phạt 05 năm tù, về tội Cướp tài sản (Khi phạm tội Th dưới 18 tuổi). Chấp hành án đến ngày 18/4/2015 ra trại (Thực hiện quy định có lợi cho người phạm tội, được quy định tại Nghị quyết số 109, Nghị quyết số 144/2016/HQ13, ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo đương nhiên được xóa án tích). Ngày 23/02/2017 Th bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th phố Đ khởi tố, bắt tạm giam về tội: Cưỡng đoạt tài sản.

Đối với bị cáo Lê Văn Q: Ngày 26/8/2006 Q bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 12 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành án đến ngày 30/8/2014 ra trại (chưa được xóa án tích). Ngày 23/02/2017 Q bị Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an Th phố Đ khởi tố, ngày 24/2/2017 bị bắt tạm giam về tội: Cưỡng đoạt tài sản.

Đối với bị cáo Phùng V A: Ngày 22/8/2011 Anh bị Tòa án nhân dân tỉnh P 08 năm tù và 02 năm quản chế sau khi chấp hành xong hình phạt tù về tội Giết người, chấp hành án đến tháng 8/2013 được đặc xá ra trại, ngày 31/8/2015 chấp hành xong hình phạt quản chế (chưa được xóa án tích). Ngày 21/4/2016 Anh bị Công an huyện Tam Đảo, tỉnh P xử phạt hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác. Ngày 23/02/2017 Anh bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th phố Đ khởi tố, bắt tạm giam về tội: Cưỡng đoạt tài sản.

Đối với bị cáo Nguyễn Tr Th: Ngày 29/9/2009 Th bị Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội Cướp giật tài sản (khi phạm tội Th chưa đủ 16 tuổi). Ngày 22/8/2011 Th bị Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 06 năm tù về tội Giết người, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 08 năm tù. Chấp hành án đến tháng 01/2016 ra trại (Chưa được xóa án tích). Ngày 23/02/2017 Th bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th phố Đ khởi tố, bắt tạm giam về tội: Cưỡng đoạt tài sản.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Th khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, hơn nữa các bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho anh Đoàn Đ D là người bị hại, trong vụ việc này anh D cũng có một phần lỗi, anh D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ, theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bỏ để bị cáo Lê A Q được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, các bị cáo tuổi đời còn trẻ, suy nghĩ chưa thấu đáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên HĐXX cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Hội đồng xét xử xét điều kiện thực tế của các bị cáo thì thấy rằng: các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 135 BLHS đối với các bị cáo.

Đối với H và T do các bị cáo không biết họ, tên đệm và địa chỉ của H và T, nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được hành vi cưỡng đoạt tài sản và hành vi bắt giữ người trái pháp luật của H và T, nên tách ra để điều tra, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Th Ch, Ch không biết hành vi phạm tội của các bị cáo, nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th và Đoàn Đức D, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính là Cảnh cáo; hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ của Th, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính là phạt tiền. HĐXX xét thấy việc xử lý của cơ quan điều tra là đúng với quy định của pháp luật. Do vậy tại phiên tòa hôm nay không đặt vấn đề giải quyết.

Xe ô tô biển kiểm soát 27A-013.26 và xe ô tô biển kiểm soát 43A-184.02, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Số tiền 14.400.000 đồng tạm giữ của Th và số tiền 15.260.000 đồng tạm giữ của Q, qua điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho những người được các bị cáo ủy quyền nhận hộ. Xét thấy việc cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên tại phiên tòa HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với 01 con dao gấp bằng kim loại, 01 đoạn dây buộc rèm Hải và Toàn sử dụng vào sử dụng vào việc phạm tội, 04 con dao quắm và 01 bình xịt hơi cay không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41, điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th phạm tội **“Cưỡng đoạt tài sản”**

* Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Phùng V A 3 năm 06 tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/02/2017).

* Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tr Th 3 năm 06 tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/02/2017).

* Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê A Q 3 năm tù giam**. Khấu trừ cho Q 03 tháng 17 ngày tạm giam. Bị cáo Q còn phải thi hành là **32 tháng 13 ngày tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

* Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; điểm p, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Phùng Q Th 3 năm 06 tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (23/02/2017).

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01(một) con dao gấp bằng kim loại, 01(một) đoạn dây buộc rèm, 04 (bốn) con dao quắm, 01(một) bình xịt hơi cay *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2017 giữa Công an thành phố Điện Biên Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ)*.

3. Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phùng Q Th, Lê A Q, Phùng V A, Nguyễn Tr Th mỗi bị cáo phải nộp **200.000 đồng** *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4 Áp dụng Điều 231 và 234 BLTTHS. Các bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Cơ quan THAHS Công an TPĐBP;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

